

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 20/8/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Dũng

2. Ông Đoàn Văn Hộ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1311/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Tô Tuấn L - sinh năm 1975;

Địa chỉ: số nhà 061, tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Mai Thu H - sinh năm 1979;

Địa chỉ: số nhà 061, tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2019, bản tự khai ngày 14 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Tô Tuấn L trình bày: anh và chị Mai Thu H kết hôn ngày 03 tháng 3 năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H chơi lô đề cờ bạc dẫn đến tiêu tán tài sản gia đình. Anh đã rất nhiều lần khuyên bảo, tha thứ và trả nợ giúp cho chị H rất nhiều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi.

Mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra việc cãi chửi nhau tuy nhiên không có xô xát hay đánh đập. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và cũng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không hiệu quả mà ngày càng trở nên trầm trọng, chị H đã bỏ đi từ trước tết năm 2019. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: anh L chị H có 02 con chung tên là Tô Ngọc D - sinh ngày 02/9/1998 (giới tính: nam) và Tô Thúy H – sinh ngày 06/5/2004 (giới tính: nữ). Con chung Tô Ngọc D hiện nay đang học Đại học tại Hà Nội, còn con Tô Thúy H năm học mới lên học lớp 10 tại trường THPT thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung, nợ riêng: anh L xác định tài sản chung, nợ chung nợ riêng không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 5 năm 2019, bị đơn Mai Thu H nhất trí với trình bày của anh L về sự kiện kết hôn, con chung và quá trình chung sống, nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; nhất trí với những nội dung anh L viết trong đơn ly hôn. Không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Về con chung: nhất trí cho anh L nuôi hai đứa con. Do công việc làm ăn xa không thể đến tòa tham gia giải quyết việc ly hôn, chị H đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa bị đơn Mai Thu H vắng mặt, Hội đồng xét xử công khai đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2019 và căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc. Chị H đã đi khỏi nhà trước tết 2019, không còn quan tâm đến nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Điều 239, 241, 242, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258).

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa anh Tô Tuấn L với chị Mai Thu H là hôn nhân hợp pháp. Năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H chơi lô đề cờ bạc tiêu phá tài sản gia đình. Chị Mai Thu H xin xét xử vắng mặt, nhất trí với các nội dung anh Tô Tuấn L viết trong đơn. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự: anh Tô Tuấn L được ly hôn chị Mai Thu H.

- Giao cháu Tô Thúy H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Cháu Tô Ngọc D đã đủ tuổi trưởng thành nên không giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có, Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh L khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Mai Thu H vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (chị H).

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Tô Tuấn L kết hôn với Mai Thu H vào ngày 03 tháng 3 năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: năm 2010, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị H chơi lô đề cờ bạc phá tán tài sản gia đình. Anh L đã khuyên bảo, tha thứ và trả nợ giúp cho chị H rất nhiều lần nhưng chị H vẫn không chịu thay đổi; vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đã được hòa giải, tự hàn gắn nhưng không khắc phục được.

Chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2019, nhất trí với các nội dung anh L viết trong đơn ly hôn. Đơn có xác nhận của tổ trưởng dân phố và chính quyền địa phương. Qua xác minh đúng là bút tích và chữ ký của chị H và thể hiện đúng ý chí của chị nên có giá trị pháp lý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa anh và chị đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, anh L cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị H cũng nhất trí ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[3] Về con chung: anh L, chị H nhất trí để anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu Tô Ngọc L đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Cháu Tô Thúy H đang sống cùng bố, có nguyện vọng ở với bố. Chị H hiện nay đi làm ăn xa, anh L có thu nhập từ kinh doanh đủ để nuôi dưỡng hai con ăn học. Thỏa thuận của anh, chị cũng phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo sự phát triển tốt nhất về cuộc sống và tinh thần cho cháu H tại thời điểm hiện nay, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: do anh L không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị Mai Thu H. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng sẽ được giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] Sau khi ly hôn, anh L và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: nguyên đơn là anh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tô Tuấn L và chị Mai Thu H.
2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Cháu Tô Ngọc D - sinh ngày 02/9/1998 (giới tính: nam) đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết.

Công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị H: anh Tô Tuấn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Thúy H, sinh ngày 06/5/2004 (giới tính: nữ) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Tô Tuấn L cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Mai Thu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Tô Tuấn L tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Xác nhận anh L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000401 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: anh Tô Tuấn L có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Lương Thị Hợp